

Số: 31 /2019/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2019

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp trong các trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập

(sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục nghề nghiệp) tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Việc thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức dạy các môn văn hóa trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Nguyên tắc thi hoặc xét thăng hạng

1. Việc cử viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số lượng viên chức còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và nhu cầu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng theo quy định của pháp luật.

3. Việc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp đảm bảo bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng

1. Viên chức được dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền;

b) Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng theo quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp;

c) Được cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị và cấp có thẩm quyền cử đi dự thi hoặc xét thăng hạng.

2. Viên chức có thành tích tiêu biểu xuất sắc được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp khi có một trong các điều kiện sau:

a) Viên chức trong thời gian đang giữ hạng chức danh có ít nhất 02 lần đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành hoặc tương đương hoặc có 01 lần đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc hoặc được tặng 01 Huân chương hạng ba trở lên, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư này, được cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cấp có thẩm quyền đề nghị xét thăng hạng;

b) Viên chức được công nhận hoặc bổ nhiệm Giáo sư, Phó Giáo sư, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư này, được cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cấp có thẩm quyền đề nghị xét thăng hạng.

Điều 4. Miễn thi ngoại ngữ đối với viên chức dự thi thăng hạng

1. Có tuổi đời đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ.

2. Viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận. Chứng chỉ quy định tại khoản này phải còn trong thời hạn quy định tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

3. Có bằng tốt nghiệp là bằng ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của hạng dự thi.

4. Có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của hạng dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

Điều 5. Miễn thi tin học đối với viên chức dự thi thăng hạng

Miễn thi tin học đối với viên chức có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học, toán - tin trở lên.

Điều 6. Các trường hợp áp dụng hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp

1. Áp dụng hình thức thi thăng hạng đối với trường hợp thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II và từ hạng II lên hạng I.

2. Áp dụng hình thức xét thăng hạng đối với trường hợp:

a) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV lên giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hoặc thực hành hạng III;

b) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II hoặc hạng II lên hạng I đối với viên chức có thành tích tiêu biểu xuất sắc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) đối với viên chức có thành tích tiêu biểu xuất sắc quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng

1. Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội

vụ ban hành quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

2. Đối với viên chức có thành tích tiêu biểu xuất sắc, hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 1 Điều này và bản sao có chứng thực thành tích tiêu biểu xuất sắc quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

Chương II

THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 8. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) lên giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I)

1. Môn thi Kiến thức chung

a) Nội dung thi: 60 câu hỏi về quản lý nhà nước và pháp luật về viên chức; hiểu biết về chức trách, nhiệm vụ của viên chức theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp của hạng dự thi (chiếm 70% nội dung thi); Định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển của ngành (chiếm 30% nội dung thi);

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 60 phút.

2. Môn thi Chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nội dung thi: Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I);

b) Hình thức thi: Viết báo cáo và thuyết trình, phỏng vấn trực tiếp;

c) Thời gian thi: Viết báo cáo 90 phút, thuyết trình và phỏng vấn 30 phút (không kể thời gian chuyển tiếp giữa 02 hình thức thi).

3. Môn thi Ngoại ngữ

a) Nội dung thi: 30 câu hỏi về kỹ năng đọc, viết ở trình độ ngoại ngữ Bậc 4 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây gọi chung là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT), do viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc;

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 30 phút.

4. Môn thi Tin học

a) Nội dung thi: 30 câu hỏi về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014

của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây gọi chung là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT);

- b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;
- c) Thời gian thi: 30 phút.

Điều 9. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hoặc thực hành (hạng III) lên giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II)

1. Môn thi Kiến thức chung

a) Nội dung thi: 60 câu hỏi về quản lý nhà nước và pháp luật về viên chức; hiểu biết về chức trách, nhiệm vụ của viên chức theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp của hạng dự thi (chiếm 70% nội dung thi); Định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển của ngành (chiếm 30% nội dung thi);

- b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;
- c) Thời gian thi: 60 phút.

2. Môn thi Chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nội dung thi: Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II);

- b) Hình thức thi: Tự luận;
- c) Thời gian thi: 120 phút.

3. Môn thi Ngoại ngữ

a) Nội dung thi: 30 câu hỏi về kỹ năng đọc, viết ở trình độ ngoại ngữ Bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT, do viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc;

- b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;
- c) Thời gian thi: 30 phút.

4. Môn thi tin học

a) Nội dung thi: 30 câu hỏi về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

- b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;
- c) Thời gian thi: 30 phút.

Điều 10. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng II lên giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng I

1. Môn thi Kiến thức chung

a) Nội dung thi: 60 câu hỏi về quản lý nhà nước và pháp luật về viên chức; hiểu biết về chức trách, nhiệm vụ của viên chức theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp của hạng dự thi

(chiếm 70% nội dung thi); Định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển của ngành (chiếm 30% nội dung thi);

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 60 phút.

2. Môn thi Chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nội dung thi: Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng I;

b) Hình thức thi: Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp;

c) Thời gian thi: Viết báo cáo 90 phút, thuyết trình và phỏng vấn 30 phút (không kể thời gian chuyển tiếp giữa 02 hình thức thi).

3. Môn thi Ngoại ngữ

a) Nội dung thi: 30 câu hỏi về kỹ năng đọc, viết ở trình độ ngoại ngữ Bậc 4 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT, do viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc;

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 30 phút.

4. Môn thi Tin học

a) Nội dung thi: 30 câu hỏi về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 30 phút.

Điều 11. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hoặc thực hành hạng III lên giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II

1. Môn thi Kiến thức chung

a) Nội dung thi: 60 câu hỏi về quản lý nhà nước và pháp luật về viên chức; hiểu biết về chức trách, nhiệm vụ của viên chức theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp của hạng dự thi (chiếm 70% nội dung thi); Định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển của ngành (chiếm 30% nội dung thi);

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 60 phút.

2. Môn thi Chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nội dung thi: Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II;

b) Hình thức thi: Tự luận;

c) Thời gian thi: 120 phút.

3. Môn thi Ngoại ngữ

a) Nội dung thi: 30 câu hỏi về kỹ năng đọc, viết ở trình độ ngoại ngữ Bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT, do viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc;

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 30 phút.

4. Môn thi Tin học

a) Nội dung thi: 30 câu hỏi về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 30 phút.

Điều 12. Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thông qua Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hoạt động theo Quy chế tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (Sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2019/TT-BNV).

3. Việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo Nội quy kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV.

Chương III

XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 13. Nội dung và hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thẩm định hồ sơ đáp ứng tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp của hạng dự xét.

Điều 14. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hoạt động theo Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV.

Chương IV

XÁC ĐỊNH VIÊN CHỨC ĐƯỢC THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 15. Xác định viên chức được thăng hạng trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Kết quả thi là tổng số điểm của môn thi Kiến thức chung và môn thi Chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả điểm các môn thi Ngoại ngữ, Tin học là điểm điều kiện, không tính vào tổng số điểm thi.

2. Viên chức được thăng hạng trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải tham dự đủ các môn thi quy định tại Thông tư này đối với từng hạng, mỗi môn thi đạt từ 50 điểm trở lên trừ những môn được miễn thi theo quy định, các môn thi được chấm theo thang điểm 100 và được xác định theo nguyên tắc: Viên chức được thăng hạng là viên chức có kết quả thi cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu thăng hạng trong Đề án tổ chức thi thăng hạng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trường hợp có từ 02 viên chức trở lên có kết quả thi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng được phân bổ thì xác định viên chức được thăng hạng theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Viên chức có điểm môn thi Chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn;
- b) Viên chức có thâm niên công tác lâu hơn.

4. Trường hợp không xác định viên chức được thăng hạng theo thứ tự ưu tiên thì Hội đồng thi trực tiếp phỏng vấn, xem xét và quyết định viên chức được thăng hạng.

5. Viên chức không được thăng hạng trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp không được bảo lưu kết quả thi cho các kỳ thi thăng hạng lần sau.

Điều 16. Xác định viên chức được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Viên chức được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp xác định đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

2. Viên chức không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp không được bảo lưu kết quả cho các kỳ xét thăng hạng lần sau.

Điều 17. Thông báo kết quả trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thi hoặc xét của Hội đồng, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải niêm yết công khai kết quả thi hoặc xét thăng hạng tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tổ chức kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết công khai kết quả thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi hoặc xét thăng hạng (không gửi đơn đề nghị phúc khảo các bài thi theo hình thức trắc nghiệm trên máy vi tính hoặc phỏng vấn). Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giao Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng tổ chức chấm phúc khảo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định tại khoản này.

3. Sau khi thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phê duyệt kết quả thi hoặc xét thăng hạng và gửi thông báo bằng văn bản công nhận kết quả thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (ghi rõ chức danh nghề nghiệp được thăng hạng) tới:

- a) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng theo địa chỉ đã đăng ký;
- b) Cơ quan có thẩm quyền và cơ sở giáo dục nghề nghiệp cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng để thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Điều 18. Hủy kết quả thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Nếu viên chức sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, kê khai không đúng sự thật để đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, khi bị phát hiện sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và hủy kết quả thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trách nhiệm hủy kết quả thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp xây dựng Đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp đối với chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) và giáo viên

giáo dục nghề nghiệp hạng I, trình Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội gửi lấy ý kiến Bộ Nội vụ trước 31/3 hằng năm để tổ chức thực hiện.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp đối với chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) và giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II, gửi lấy ý kiến Bộ Nội vụ trước 31/3 hằng năm để tổ chức thực hiện.

3. Hằng năm, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức hoặc phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp đối với chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III và giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III.

4. Thủ trưởng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ vào điều kiện quy định tại Thông tư này theo thẩm quyền được giao cử viên chức tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; lưu giữ và quản lý hồ sơ đăng ký của viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức trước ngày 31 tháng 12 năm 2020 không yêu cầu phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thông báo kết quả thi hoặc xét thăng hạng thì cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức phải có trách nhiệm cử viên chức trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp tham dự khóa bồi dưỡng để cấp chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng dự thi hoặc xét. Viên chức được cấp chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng dự thi hoặc xét thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện bổ nhiệm viên chức vào hạng chức danh nghề nghiệp trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng tính từ ngày có thông báo kết quả thi hoặc xét thăng hạng. Trường hợp viên chức không được cấp chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng dự thi hoặc xét thì cơ quan có thẩm quyền không bổ nhiệm viên chức vào hạng chức danh nghề nghiệp trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng và không bảo lưu kết quả kỳ thi hoặc xét đã tham dự.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Vụ Pháp chế; Vụ TCCB;
- Lưu: VT, TCGDNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quân